Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

Số: 299/2026/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 1614
Ngày: 29/07/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng	X	
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường		X
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS	X	
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

NGHỊ ĐỊNH
Quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao, phân loại, xếp hạng và tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng) thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ), gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ (bao gồm: đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ và đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục và tương đương thuộc bộ (sau đây gọi chung là cục thuộc bộ);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cục thuộc bộ;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng thuộc bộ.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp xã).

4. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật và đặt trụ sở ở nước ngoài.

2. Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập là việc sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị sự nghiệp công lập dưới các hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; điều chỉnh tên gọi gắn với điều chỉnh vị trí, chức năng, nhiệm vụ hoặc điều chỉnh vị trí, chức năng, nhiệm vụ để hình thành đơn vị sự nghiệp công lập mới.

3. Chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập là việc chuyển thẩm quyền quản lý đối với đơn vị sự nghiệp giữa các cơ quan quản lý hoặc được phân cấp quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước là dịch vụ gắn với nhiệm vụ nghiên cứu, phục vụ, tham mưu xây dựng thể chế, chính sách; xây dựng thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực và nhiệm vụ khác theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (nếu có).

5. Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội, gồm:

a) Dịch vụ sự nghiệp công cơ bản (là các dịch vụ do Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện), thiết yếu (là các dịch vụ do Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện), bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công, giám định pháp y, pháp y tâm thần, kiểm nghiệm, kiểm định; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hoá, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia và dịch vụ sự nghiệp công khác theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (nếu có);

b) Dịch vụ sự nghiệp công theo nhu cầu xã hội là dịch vụ cung cấp theo nhu cầu xã hội (trừ dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) và do đối tượng thụ hưởng chi trả kinh phí.

6. Đơn vị sự nghiệp công lập đa ngành, đa lĩnh vực là đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của hai Bộ trở lên.

Điều 4. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

1. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành); một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung cấp nhiều dịch vụ sự nghiệp công trong cùng ngành, lĩnh vực hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của nhiều ngành, lĩnh vực.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới phải tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên (trừ trường hợp thành lập mới để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu). Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (kể cả trường hợp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

3. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thực hiện hợp nhất, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở các mức độ khác nhau thì mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập sau khi hợp nhất, sáp nhập được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thành lập, tổ chức lại đơn vị.

4. Việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao nguyên trạng đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phù hợp với quy hoạch ngành (nếu có) hoặc phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đáp ứng tiêu chí, điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (trừ đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cấp xã);

c) Xác định rõ mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu được giao là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, khi thành lập các đơn vị này thì số lượng người làm việc được xác định theo đề án thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài thì số lượng người làm việc xác định trong đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt;

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c và d khoản này, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lại khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có điều chỉnh về tên gọi, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phù hợp với quy hoạch ngành (nếu có) hoặc phù hợp với phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng quy định về số lượng người làm việc tối thiểu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Không đáp ứng đủ điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b hoặc điểm d khoản 1 Điều này;

c) Không bảo đảm mức độ tự chủ tài chính theo phương án tự chủ tài chính của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về tình hình kinh tế, xã hội hoặc do nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến biến động nguồn thu hoặc nhiệm vụ chi làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài việc đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b và c khoản này, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc tổ chức lại và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không còn chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước;

b) Không đáp ứng đủ điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm d khoản 1 Điều này;

c) Ba năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện theo quy hoạch ngành (nếu có) hoặc phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực;

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài việc đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a, b, c và d khoản này, cần bảo đảm phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Tự chủ về tổ chức bộ máy

1. Về tổ chức bộ máy

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đề án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên do cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị theo quy định của pháp luật;

c) Việc thành lập các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là phòng) thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên phải đáp ứng các tiêu chí về công việc và lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí số lượng người làm việc được giao từ 07 người trở lên.

2. Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Số lượng cấp phó được thực hiện theo đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Số lượng cấp phó của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ được bố trí bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

Đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ) và điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này có số lượng người làm việc được giao từ 20 người trở xuống được bố trí không quá 02 cấp phó; có số lượng người làm việc được giao từ trên 20 người được bố trí không quá 03 cấp phó.

Đơn vị quy định tại điểm b, c và d khoản 1, điểm b, c và d khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này được bố trí không quá 02 cấp phó. Đối với bệnh viện hạng I trở lên; đơn vị sự nghiệp y tế làm nhiệm vụ kiểm soát và phòng chống bệnh tật tuyến tỉnh hạng I trở lên; trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí không quá 03 cấp phó.

3. Về khung số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Số lượng cấp phó thực hiện theo đề án thành lập (trong trường hợp thành lập mới) hoặc đề án tự chủ của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Có số lượng người làm việc được giao từ 07 đến 09 người được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có số lượng người làm việc được giao từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

4. Căn cứ khung số lượng cấp phó quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này (trừ các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cụ thể số lượng cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo các tiêu chí sau:

a) Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Quy mô về số lượng người làm việc và số đầu mối tổ chức trực thuộc của đơn sự nghiệp công lập;

c) Phạm vi hoạt động, tính chất và đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Về nội dung và phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

a) Nội dung đề án tự chủ

Đề án tự chủ bao gồm các nội dung: Mục tiêu, định hướng phát triển; tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; lộ trình thực hiện nâng cao tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong mỗi giai đoạn 5 năm.

b) Phê duyệt đề án tự chủ

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề án tự chủ của đơn vị, gửi lấy ý kiến của các tổ chức tham mưu về lĩnh vực: tổ chức bộ máy, pháp chế, tài chính và cơ quan liên quan (nếu có) thuộc bộ; gửi tổ chức tham mưu về tổ chức bộ máy, tài chính thuộc bộ thẩm định trước khi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề án tự chủ của đơn vị, gửi lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, tài chính và cơ quan liên quan (nếu có); gửi cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về lĩnh vực: nội vụ, tài chính thẩm định trước khi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

Điều 7. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại theo các tiêu chí sau:

a) Vị trí pháp lý của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này;

b) Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực, gồm: giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (nông nghiệp và môi trường; tài chính; xây dựng; công thương; nội vụ; tư pháp và các lĩnh vực khác); cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực;

c) Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo tính chất nhiệm vụ, gồm: Dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội, dịch vụ sự nghiệp công hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước;

d) Mức độ tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn tiêu chí cụ thể phân loại đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực phục vụ xây dựng phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; hướng dẫn tiêu chí cụ thể phân loại đơn vị sự nghiệp công lập hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Việc xây dựng tiêu chí phân loại phải phù hợp với tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, tính chất dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp và yêu cầu đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc phân loại đối với cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập

1. Tiêu chí xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập

a) Nhóm tiêu chí về quy mô tổ chức, khối lượng công việc;

b) Nhóm tiêu chí về cơ cấu, trình độ lao động và độ phức tạp quản lý;

c) Nhóm tiêu chí về hạ tầng cơ sở vật chất, mức độ hiện đại hóa (tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc) và mức độ số hóa (ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hạ tầng dữ liệu);

d) Nhóm tiêu chí về hiệu quả hoạt động (đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của người dân, ứng dụng công nghệ số để người dân trực tiếp đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ hài lòng đối với các dịch vụ sự nghiệp công) và hiệu quả quản lý tài chính, mức độ tự chủ tài chính;

đ) Các nhóm căn cứ khác theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực (nếu có).

2. Thời hạn xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập là 5 năm kể từ ngày có quyết định xếp hạng của cấp có thẩm quyền. Trong trường hợp đặc biệt, đơn vị sự nghiệp công lập đạt tiêu chí xếp hạng cao hơn thì có thể rút ngắn thời gian giữ hạng để xếp lại vào hạng cao hơn liền kề theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành tiêu chí cụ thể và hướng dẫn thực hiện xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, bảo đảm phù hợp với đặc điểm, tính chất của vùng, miền; đặc thù của ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các yêu cầu quản lý chuyên ngành.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc xếp hạng đối với cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHUYỂN GIAO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Mục 1
THÀNH LẬP

Điều 9. Đề án thành lập

1. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập ký, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung đề án, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Mục tiêu, phạm vi hoạt động và danh mục dịch vụ sự nghiệp công đơn vị dự kiến cung cấp;

c) Loại hình và tên gọi của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức;

đ) Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động và mức độ tự chủ tài chính;

e) Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập;

g) Dự kiến về nhân sự (trong đó xác định rõ số lượng cấp phó của đơn vị theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực); vị trí việc làm, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cần thiết;

h) Phương án tổ chức thực hiện và lộ trình triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;

i) Kiến nghị của cơ quan, tổ chức xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);

k) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Đối với đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài: Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, cần đánh giá sự phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Tờ trình thành lập

1. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nội dung tờ trình, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Quá trình xây dựng đề án;

c) Nội dung chính của đề án;

d) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.

3. Tờ trình thành lập do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập ký, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.

4. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

a) Bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành;

b) Vụ tổ chức cán bộ thuộc bộ (hoặc cơ quan được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phân công) đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

c) Cục thuộc bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

d) Văn phòng thuộc bộ đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành;

e) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong ngành, lĩnh vực tương ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Riêng đối với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công) là cơ quan đề nghị thành lập đơn vị này;

g) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

h) Tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

i) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong ngành, lĩnh vực tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

Riêng đối với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công) là cơ quan đề nghị thành lập đơn vị này.

Điều 11. Lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi dự thảo đề án, tờ trình và dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đến các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật để lấy ý kiến tham gia bằng văn bản đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trước khi gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định, cụ thể như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các Bộ: Nội vụ, Tài chính, bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan liên quan (nếu có). Đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài phải lấy thêm ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của tổ chức tham mưu về lĩnh vực: tổ chức bộ máy, pháp chế, tài chính và tổ chức liên quan (nếu có);

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ngành, lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, tài chính, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức liên quan (nếu có);

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: Hồ sơ đề nghị thành lập gửi lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ngành, lĩnh vực liên quan; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã về ngành, lĩnh vực: nội vụ, tư pháp, tài chính, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức liên quan (nếu có).

2. Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác (ngoài các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này) được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 12. Hồ sơ thẩm định, thành lập

1. Hồ sơ gửi cơ quan, tổ chức thẩm định, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập theo quy định;

b) Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động hoặc dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);

e) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan;

h) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Hồ sơ trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động hoặc dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);

đ) Văn bản thẩm định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (trừ trường hợp cơ quan, tổ chức thẩm định là cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập);

e) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định;

g) Báo cáo của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan (kèm theo văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan) và các tài liệu khác có liên quan đến thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

h) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 13. Trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đến cơ quan, tổ chức thẩm định được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này để thẩm định; đối với các cơ quan, tổ chức liên quan để phối hợp hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan, tổ chức đó vào mục nơi nhận của văn bản hoặc tờ trình đề nghị thành lập (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải lập danh mục hồ sơ theo quy định.

Điều 14. Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

1. Cơ quan, tổ chức thẩm định

a) Bộ Nội vụ thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Đơn vị tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc bộ thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;

c) Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có quy định của pháp luật chuyên ngành về các tiêu chí, điều kiện hoạt động thì cơ quan thẩm định về các tiêu chí, điều kiện hoạt động này do pháp luật chuyên ngành quy định.

2. Nội dung thẩm định, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên gọi, loại hình tổ chức, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; vị trí việc làm, số lượng người làm việc; cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hồ sơ, thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

d) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi được thành lập;

đ) Việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

e) Tính khả thi của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan, tổ chức thẩm định yêu cầu cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải có văn bản giải trình bổ sung hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp với cơ quan, tổ chức trình đề án và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định.

3. Trường hợp nội dung quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập có chứa quy phạm pháp luật thì việc thẩm định còn phải tuân theo các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 15. Quyết định thành lập

Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ vào văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định để ban hành quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với thẩm quyền thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc thành lập

1. Về thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập.

2. Về quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập

Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trình hồ sơ đã được hoàn thiện theo ý kiến của cơ quan, tổ chức thẩm định, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phải ra quyết định thành lập.

Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập không đồng ý việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì có ý kiến bằng văn bản (nêu rõ lý do) gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thời hạn thẩm định và quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Mục 2
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHUYỂN GIAO

Điều 17. Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nội dung đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Thực trạng tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi tổ chức lại;

b) Các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này đối với đơn vị sự nghiệp công lập dự kiến sau khi tổ chức lại;

c) Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

d) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có);

đ) Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Đối với đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, cần đánh giá phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Điều 18. Đề án, tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Nội dung đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc giải thể;

b) Phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;

c) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận về tài chính, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác liên quan (nếu có);

d) Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.

2. Đối với đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài: Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, cần đánh giá sự phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Điều 19. Hồ sơ và trình tự, thủ tục giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

1. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) trong trường hợp giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Việc xây dựng tờ trình, đề án; lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan; trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ; thẩm định; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 20. Chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

1. Hồ sơ thẩm định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

b) Dự thảo đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, gồm: Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc chuyển giao; thực trạng tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển giao; phương án xử lý về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đất đai, các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm gắn với chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phục vụ xã hội, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị và các vấn đề khác có liên quan khi thực hiện chuyển giao; các tài liệu có liên quan về tài chính, đất đai và các vấn đề khác có liên quan (nếu có); các điều kiện và cam kết giao nhận đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); trách nhiệm của các cơ quan thực hiện việc chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển giao; các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài, bổ sung thêm nội dung đánh giá sự phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và điều ước quốc tế giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Dự thảo tờ trình chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

d) Dự thảo văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

đ) Ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan, tổ chức nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan về việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan;

h) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Trình tự, thủ tục chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập gửi các văn bản theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này đến cơ quan, tổ chức nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan liên quan (nếu có) để lấy ý kiến tham gia bằng văn bản đối với việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ Nội vụ để thẩm định;

c) Cơ quan đề nghị chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, hồ sơ gồm: tờ trình; đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan; các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Việc thẩm định; xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức thực hiện việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chuẩn bị hồ sơ theo đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Các cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức ký biên bản chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các nội dung: Tên, địa chỉ cơ quan chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập; tên, địa chỉ đơn vị sự nghiệp công lập chuyển giao và các hồ sơ liên quan; các điều kiện và cam kết giao nhận đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có); trách nhiệm của các cơ quan thực hiện việc chuyển giao và nhận chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập được chuyển giao theo đề án chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Sau khi hoàn thành việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyển giao lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản đến cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền giao biên chế để thực hiện việc điều chuyển biên chế viên chức theo quy định.

4. Về chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định việc áp dụng các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để thực hiện chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để thực hiện chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp xã và giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về việc chuyển giao đối với cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương III
THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành.

2. Thủ tướng Chính phủ

a) Phê duyệt phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực;

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của luật chuyên ngành;

c) Quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các bộ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ); giữa bộ với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và giữa các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 22. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực

1. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phát triển mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ban hành tiêu chí, điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền (trừ trường hợp đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn).

3. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xác định cụ thể danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành).

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác). Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ cấu tổ chức của các đơn vị này được xác định trong đề án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo đề án được phê duyệt.

4. Chỉ đạo tổ chức thực hiện và quyết định phân loại, xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị và hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập đa ngành, đa lĩnh vực, nguyên tắc xếp hạng thực hiện theo thứ hạng xếp hạng cao nhất trong số các ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị cung cấp.

5. Quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các tổ chức, đơn vị thuộc bộ.

Điều 24. Thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định cụ thể danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 25. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quy định về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định cụ thể danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổng hợp, báo cáo về tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành);

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập tại điểm a, b và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác). Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ cấu tổ chức của các đơn vị này được xác định trong đề án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo đề án được phê duyệt;

d) Chỉ đạo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp tỉnh, cấp xã theo hướng dẫn của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực thuộc các ngành, lĩnh vực mà đơn vị cung cấp dịch vụ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát sinh tại địa phương;

đ) Quyết định việc chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giữa cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Ủy ban nhân dân cấp xã và giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành;

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện và quyết định phân loại, xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị và hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập đa ngành, đa lĩnh vực, nguyên tắc xếp hạng thực hiện theo thứ hạng xếp hạng cao nhất trong số các ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị cung cấp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này (trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác). Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ cấu tổ chức của các đơn vị này được xác định trong đề án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị này theo hướng dẫn của Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực thuộc các ngành, lĩnh vực mà đơn vị cung cấp dịch vụ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn cấp xã.

b) Phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo đề án được phê duyệt.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức thực hiện và quyết định phân loại, xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị và hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập đa ngành, đa lĩnh vực, nguyên tắc xếp hạng thực hiện theo thứ hạng xếp hạng cao nhất trong số các ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị cung cấp.

Điều 27. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập

1. Xây dựng đề án tự chủ của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chế độ cung cấp thông tin, báo cáo về đơn vị sự nghiệp công lập

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo về tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo cơ quan, tổ chức theo quy định.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Định kỳ tổng hợp gửi báo cáo số liệu về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý về bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 11 hàng năm để tổng hợp theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Quy định chuyển tiếp

1. Cơ quan, tổ chức đã gửi đề án, tờ trình đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển giao đơn vị sự nghiệp công lập thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

2. Trường hợp tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị và các tổ chức bên trong của đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định tổ chức lại của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, đơn vị phải thực hiện số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định này.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập đã được xếp hạng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện đến khi có hướng dẫn việc xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này.

4. Sau khi Hội đồng quản lý kết thúc hoạt động, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành do hội đồng quản lý đảm nhiệm theo thẩm quyền.

5. Chậm nhất sau 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thành các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Trong thời gian Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp tỉnh, cấp xã để thực hiện tại địa phương.

Điều 30. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác

1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, phù hợp với đặc thù của cơ quan, đơn vị.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc áp dụng quy định tại Nghị định này đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Đơn vị sự nghiệp thuộc các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này.

Điều 31. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phạm Thị Thanh Trà